

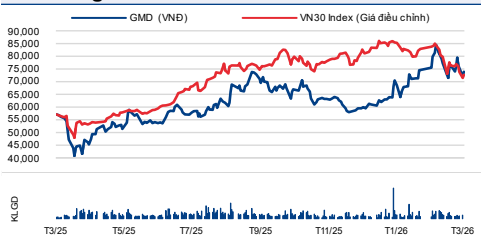
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ90,000
Tiềm năng tăng/giảm: 21.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/3/2026)	73,900
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	40,841-84,400
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	74,367
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	31,053
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,178
Slg CP lưu hành (tr.đv)	420
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	206
Slg CP NN được mua (tr.đv)	25.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	42.9%
Tỷ lệ freefloat	88.6%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	5,946	6,847	7,486
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,770	3,558	3,996
LNTT (tỷ đồng)	2,506	2,974	3,396
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,543	1,881	2,155
FCF (tỷ đồng)	(484)	3,778	2,579
EPS ĐC (đồng)	3,565	4,347	4,979
DPS (đồng)	1,478	1,478	1,478
BVPS (đồng)	30,234	34,809	38,506
T.trưởng EBITDA (%)	24.9	28.5	12.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	11.1	20.6	14.5
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	46.6	52.0	53.4
Tỷ suất LNTT (%)	42.1	43.4	45.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	28.2	29.9	31.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	37.7	31.3	27.3
Nợ thuần/VCSH (%)	5.97	(8.40)	(19.2)
ROAE (%)	13.2	14.5	14.8
ROACE (%)	7.41	8.87	9.51
EV/doanh thu (lần)	5.36	4.55	3.90
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.5	8.76	7.30
P/E ĐC (lần)	20.7	17.0	14.8
P/B (lần)	2.44	2.12	1.92
Lợi suất cổ tức (%)	2.00	2.00	2.00

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Gặp gỡ chuyên viên phân tích: Đặt mục tiêu tăng trưởng LNTT 12% cho năm 2026

- Ngày 24/3/2026, GMD tổ chức buổi gặp gỡ chuyên viên phân, đề ra mục tiêu tăng trưởng LNTT 12% cho năm 2026 (đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, bằng 94% dự báo của chúng tôi) và đạt tốc độ tăng trưởng CAGR 5 năm ở mức 20% trong giai đoạn 2025-2030. Mục tiêu trên được đề ra dựa trên lộ trình mở rộng công suất và đóng góp từ các dịch vụ mới.
- Tình hình xung đột tại Trung Đông chỉ có tác động hạn chế lên mảng kinh doanh cảng cốt lõi của GMD. Cụ thể, sản lượng container của Gemalink trong Q1/2026 dự kiến tăng 20% so với cùng kỳ (đi ngang so với quý trước) lên mức 526.000 TEU, trong khi sản lượng container của cảng Nam Đình Vũ (NDV) trong Q1/2026 có khả năng sẽ đi ngang so với cùng kỳ.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 90.000đ (tiềm năng tăng giá 22%).

Sự kiện: Buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích được tổ chức ngày 24/3/2026

GMD đã tổ chức buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích vào ngày 24/3/2026 với các nội dung chính như sau:

KHKD: Tốc độ tăng trưởng CAGR 5 năm đạt 20% trong giai đoạn 2025-2030

Cho năm 2026, BLĐ đề ra mục tiêu tăng trưởng LNTT 12% lên 2,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 94% kỳ vọng của HSC.

Trong dài hạn, GMD đặt mục tiêu tăng trưởng CAGR 5 năm ở mức 20% trong giai đoạn 2025-2030, với sản lượng container thông qua các cảng của GMD kỳ vọng sẽ tăng gấp đôi vào năm 2030, so với năm 2025 (đạt 10 triệu TEU).

Mục tiêu tăng trưởng đầy tham vọng này được hỗ trợ bởi: (i) việc mở rộng công suất tại các cảng trọng điểm của GMD – Nam Đình Vũ (NDV) và Gemalink (GML) và (ii) các dịch vụ mới từ Trung tâm Hàng hải Quốc tế (TP.HCM) và Trung tâm Logistics Cái Mép Hạ.

Liên quan đến việc mở rộng công suất tại các cảng trọng điểm của GMD:

- NDV:** Giai đoạn 3 đã đi vào vận hành từ tháng 10/2025, nâng công suất của cảng Nam Đình Vũ lên 2 triệu TEU/năm từ mức 1,2 triệu TEU trước đó. Trong khi đó, trong năm 2025, tổng sản lượng container được xử lý tại cảng này đạt 1,5 triệu TEU. BLĐ đặt mục tiêu cảng sẽ hoạt động với công suất tối đa vào năm 2027. GMD sẽ tiếp tục nâng cấp luồng Hà Nam bằng cách mở rộng và nạo vét độ sâu từ -8,5m hiện tại xuống -9,5m (mức độ cạnh tranh tương đương với cảng nước sâu Lạch Huyện). Điều này sẽ cho phép cảng NDV tiếp nhận các loại tàu có kích thước lớn hơn, lên đến 50.000 DWT. Dựa trên những yếu tố này, NDV tiếp tục giữ vững vị thế là cảng cạnh tranh nhất trong cụm cảng sông Đình Vũ.
- GML:** Việc mở rộng (Giai đoạn 2 và 3) sẽ nâng tổng công suất của Gemalink (GML) lên khoảng 4 triệu TEU/năm, từ mức 1,7 triệu TEU/năm hiện tại. Giai đoạn 2 (tổng vốn đầu tư 200 triệu USD) sẽ bắt đầu khởi công vào tháng 4/2026 và dự kiến đưa vào vận hành vào cuối năm 2027. Trong khi đó, Giai đoạn 3 sẽ được khởi công ngay sau Giai đoạn 2 và dự kiến vận hành vào cuối năm 2028. Với tình trạng hạn chế công suất hiện nay tại khu vực Cái Mép - Thị Vải, công suất mới của GML được kỳ vọng sẽ nhanh chóng được lấp đầy, đặc biệt khi đây là cảng duy nhất có khả năng mở rộng công suất trong vòng ba năm tới.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 26/3.

(Xem tiếp trang 2)

Trước khi Giai đoạn 2 đi vào vận hành, GML tích cực tìm kiếm giải pháp nhằm cải thiện công suất của Giai đoạn 1. Một số giải pháp bao gồm: (i) hợp tác với các cảng lân cận, (ii) Mở rộng bãi container và (iii) kéo dài chiều dài cầu cảng. Dự kiến đến tháng 4/2026, GML sẽ có khả năng tiếp nhận cùng lúc hai tàu dài 400m nhờ việc kéo dài cầu cảng.

- Đồng thời, GMD cũng đặt mục tiêu mở rộng mạng lưới cảng cạn xung quanh các khu công nghiệp và cải thiện công suất của hai cảng cạn hiện hữu (Phước Long và Bình Dương) thông qua việc mở rộng bãi container (do cả hai đều đã đạt tỷ lệ lấp đầy tối đa).

Đối với các dịch vụ mới, GMD dường như đang tham gia vào hai dự án lớn là Trung tâm Hàng hải Quốc tế tại TP.HCM (tổng quy mô 10 tỷ USD) và Trung tâm Logistics Cái Mép Hạ (tổng quy mô 6,7 tỷ USD). Các dịch vụ mới từ hai dự án này có thể bao gồm dịch vụ tài chính hàng hải, bảo hiểm hàng hải, công nghệ tài chính (fintech) hàng hải và giao dịch tín chỉ carbon. Đối với dự án đầu tiên, GMD là một trong những thành viên sáng lập. Còn đối với dự án thứ hai, GMD đang tìm cách hợp tác với nhà vận hành cảng Hoa Kỳ SSA Marine để triển khai.

Tác động từ cuộc xung đột tại Trung Đông không đáng kể

Thị trường Trung Đông đóng góp khoảng 2-3% tổng giá trị thương mại và khoảng 0,3% tổng sản lượng container của Việt Nam. GMD không có tuyến dịch vụ trực tiếp cho các thị trường này (các tuyến của GML chủ yếu phục vụ thị trường Mỹ, Châu Âu và Nam Phi, trong khi các tuyến của NDV chủ yếu là nội Á). Do đó, tác động trực tiếp lên GMD là rất hạn chế. Trong Q1/2026, tổng sản lượng container được xử lý tại cảng GML ước đạt 526.000 TEU (tăng 20% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước), sát với kỳ vọng của chúng tôi. Trong khi đó, sản lượng container của cảng NDV có khả năng đi ngang so với cùng kỳ ở mức 357.000 TEU, thấp hơn một chút so với kỳ vọng. Tính riêng 2 tháng đầu năm 2026, sản lượng của cảng NDV tăng 5% (đạt 214.743 TEU), trong khi sản lượng của các cảng cạn Phước Long và Bình Dương tăng trưởng 24% (đạt 269.438 TEU).

Có thể sẽ có một số tác động gián tiếp nếu xung đột kéo dài, do các hãng tàu có khả năng sẽ tối ưu hóa lộ trình trong bối cảnh phụ phí nhiên liệu tăng cao, dẫn đến việc bỏ bớt các cảng ghé hoặc thay đổi hải trình.

Liên quan đến rủi ro từ giá dầu tăng, chi phí nhiên liệu chỉ chiếm 5-6% tổng chi phí của mảng kinh doanh cảng cốt lõi (vì hầu hết các dịch vụ được vận hành bằng điện). Đối với mảng vận tải biển, GMD đang cho thuê định hạn 4 tàu, trong đó bên thuê chịu trách nhiệm nạp nhiên liệu, do đó tác động cũng rất hạn chế.

GMD đã thành lập đội phản ứng nhanh để tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng và đảm bảo nguồn cung thông qua các nguồn dự phòng và dự trữ hàng tồn kho, nhờ vào mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp nhiên liệu.

Vào ngày 23/3/2026, NDV thông báo áp dụng phụ phí cho các dịch vụ bốc xếp, có hiệu lực từ 28/3/2026. Theo đó, NDV sẽ áp dụng phụ phí nếu giá dầu DO vượt ngưỡng 23.000 đồng/lít để bù đắp cho phần chi phí tăng thêm.

SCS (đơn vị cung cấp dịch vụ hàng hóa hàng không, công ty liên doanh mà GMD sở hữu 36,2% cổ phần và đóng góp 11% vào LNNT của GMD năm 2025) đang ghi nhận tác động tiêu cực đến sản lượng hàng hóa quốc tế (khoảng 10-15%) và tác động không đáng kể đến sản lượng hàng hóa trong nước. Do các hợp đồng của SCS có điều khoản điều chỉnh phụ phí, công ty vẫn cam kết đạt được các mục tiêu tăng trưởng doanh thu đã đề ra.

Các đề xuất khác

Tại buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích, GMD cũng đã đưa ra một số đề xuất bao gồm:

- Phát hành cổ phiếu ESOP từ 1–1,5% mỗi năm trong vòng 5 năm tới. Cụ thể, công ty sẽ phát hành 1% nếu hoàn thành kế hoạch kinh doanh, phát hành 1,2% nếu kết quả thực tế vượt kế hoạch dưới 10% và phát hành 1,5% nếu kết quả thực tế vượt kế hoạch trên 10%.
- Mức chi trả từ 20–22% mệnh giá (tương đương 2.000–2.200 đồng/cổ phiếu, lợi suất cổ tức đạt khoảng 2,7–3,0% so với giá hiện tại).
- Cổ phiếu thưởng dự kiến được phát hành với tỷ lệ 2:1 (vốn điều lệ dự kiến sẽ tăng lên mức 6,5 nghìn tỷ đồng, từ mức 4,3 nghìn tỷ đồng hiện nay).

Duy trì khuyến nghị Mua vào

Chúng tôi giữ nguyên dự báo với lợi nhuận thuần tăng trưởng mạnh 22% trong năm 2025 (lên 2.045 tỷ đồng) và 15% trong năm 2026 (lên 2.342 tỷ đồng).

Theo dự báo của chúng tôi hiện tại, GMD đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,5 lần, thấp hơn so với bình quân từ năm 2023 ở mức 19,6 lần. Chúng tôi ưa thích cổ phiếu GMD vì đây là nhà vận hành cảng tốt nhất Việt Nam, với việc không ngừng đưa ra lộ trình mở rộng HĐKD hỗ trợ cho triển vọng tăng trưởng tươi sáng. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 90.000đ.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	4,832	5,946	6,847	7,486	8,158
Lợi nhuận gộp	2,162	2,715	3,005	3,298	3,625
Chi phí BH&QL	(816)	(1,088)	(1,164)	(1,273)	(1,387)
Thu nhập khác	(611)	(438)	(205)	(74.9)	(81.6)
Chi phí khác	262	44.6	34.2	37.4	40.8
EBIT	996	1,234	1,669	1,988	2,197
Lãi vay thuần	267	116	(41.3)	(26.2)	70.8
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	816	1,156	1,346	1,434	1,731
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	2,080	2,506	2,974	3,396	3,999
Chi phí thuế TNDN	(174)	(282)	(261)	(318)	(367)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(446)	(547)	(668)	(735)	(787)
LNST không thường xuyên	(92.0)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,459	1,677	2,045	2,342	2,845
Lợi nhuận thuần ĐC	1,251	1,543	1,881	2,155	2,618
EBITDA ĐC	2,218	2,770	3,558	3,996	4,522
EPS (đồng)	3,525	3,917	4,724	5,411	6,574
EPS ĐC (đồng)	3,021	3,565	4,347	4,979	6,048
DPS (đồng)	2,216	1,478	1,478	1,478	1,971
Slg CP bình quân (triệu đv)	414	428	433	433	433
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	414	433	433	433	433
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	414	433	433	433	433

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	3,964	1,618	4,633	6,238	7,981
Đầu tư ngắn hạn	1,021	2,657	1,404	1,538	1,679
Phải thu khách hàng	1,235	1,396	1,770	1,939	2,118
Hàng tồn kho	83.4	86.5	118	129	141
Các tài sản ngắn hạn khác	372	353	407	445	485
Tổng tài sản ngắn hạn	6,676	6,110	8,332	10,289	12,403
TSCĐ hữu hình	3,786	5,384	4,864	4,309	3,735
TSCĐ vô hình	247	245	230	221	211
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,766	1,350	1,457	1,471	1,485
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,792	4,827	5,919	5,919	5,919
Tài sản dài hạn khác	1,719	1,860	2,417	2,643	2,882
Tổng tài sản dài hạn	11,310	13,667	14,887	14,562	14,231
Tổng cộng tài sản	17,986	19,777	23,219	24,852	26,634
Nợ ngắn hạn	422	308	598	654	712
Phải trả người bán	462	566	654	715	779
Nợ ngắn hạn khác	1,146	1,307	1,631	1,783	1,943
Tổng nợ ngắn hạn	2,107	2,350	2,993	3,272	3,566
Nợ dài hạn	1,745	2,082	2,759	2,369	1,831
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	380	485	538	588	641
Tổng nợ dài hạn	2,125	2,567	3,297	2,957	2,472
Tổng nợ phải trả	4,232	4,917	6,290	6,229	6,038
Vốn chủ sở hữu	12,386	13,085	15,065	16,666	18,541
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,368	1,775	1,864	1,957	2,055
Tổng vốn chủ sở hữu	13,753	14,860	16,929	18,622	20,596
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,986	19,777	23,219	24,852	26,634
BVPS (đ)	29,919	30,234	34,809	38,506	42,839
Nợ thuần/(tiền mặt)	(1,797)	771	(1,276)	(3,216)	(5,438)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	996	1,234	1,669	1,988	2,197
Khấu hao	(406)	(379)	(542)	(574)	(594)
Lãi vay thuần	267	116	(41.3)	(26.2)	70.8
Thuế TNDN đã nộp	(242)	(329)	(317)	(383)	(442)
Thay đổi vốn lưu động	(5.03)	(1,900)	227	(667)	(659)
Khác	(681)	(5.70)	102	22.4	23.6
LCT thuần từ HKKD	1,647	1,492	3,785	2,589	3,085
Đầu tư TS dài hạn	(1,598)	(1,976)	(6.38)	(10.1)	(10.4)
Góp vốn & đầu tư	(1,224)	(874)	(1,091)	0	0
Thanh lý	382	0	0	0	0
Khác	944	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(1,497)	(2,827)	(1,098)	(10.1)	(10.4)
Cổ tức trả cho CSH	(917)	(640)	(640)	(640)	(853)
Thu từ phát hành CP	3,059	125	0	0	0
Tăng/giảm nợ	220	222	968	(334)	(479)
Khác	(24.9)	(723)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,337	(1,016)	328	(974)	(1,332)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,474	3,964	1,618	4,633	6,238
LCT thuần trong kỳ	2,487	(2,351)	3,015	1,605	1,743
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.15	5.00	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	3,964	1,618	4,633	6,238	7,981
Dòng tiền tự do	48.3	(484)	3,778	2,579	3,075

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	44.7	45.7	43.9	44.1	44.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	46.6	52.0	53.4	55.4
Tỷ suất LNT (%)	30.2	28.2	29.9	31.3	34.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	8.39	11.2	8.78	9.38	9.17
Tăng trưởng doanh thu (%)	25.6	23.0	15.2	9.32	8.98
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	25.5	24.9	28.5	12.3	13.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(42.0)	23.3	21.9	14.5	21.5
Tăng trưởng EPS (%)	(51.9)	11.1	20.6	14.5	21.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(57.6)	18.0	21.9	14.5	21.5
Tăng trưởng DPS (%)	(13.1)	(33.3)	0	0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	62.8	37.7	31.3	27.3	30.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.9	13.2	14.5	14.8	16.2
ROACE (%)	7.25	7.41	8.87	9.51	9.84
Vòng quay tài sản (lần)	0.31	0.31	0.32	0.31	0.32
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.65	1.21	2.27	1.30	1.40
Số ngày tồn kho	11.4	9.77	11.2	11.3	11.3
Số ngày phải thu	169	158	168	169	171
Số ngày phải trả	63.1	63.9	62.1	62.3	62.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(14.4)	5.97	(8.40)	(19.2)	(29.3)
Nợ/tài sản (%)	12.1	12.1	14.5	12.2	9.60
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	40.4	75.8	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.55	1.49	1.52	1.18	0.92
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.17	2.60	2.78	3.14	3.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.03	5.36	4.55	3.90	3.30
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.1	11.5	8.76	7.30	5.95
P/E (lần)	21.0	18.9	15.6	13.7	11.2
P/E ĐC (lần)	24.5	20.7	17.0	14.8	12.2
P/B (lần)	2.47	2.44	2.12	1.92	1.73
Lợi suất cổ tức (%)	3.00	2.00	2.00	2.00	2.67

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn